

Số: 137/2022/QĐST-DS

TP. Trà Vinh, ngày 12 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 230/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc “*Tranh chấp chia thừa kế tài sản*”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó. Tuy nhiên, cần thiết phải chờ kết quả cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến các thửa đất đang tranh chấp trong vụ án để làm căn cứ cho việc Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự đúng pháp luật. Ngày 09/9/2022, Văn phòng đăng ký đất đai – chi nhánh thành phố Trà Vinh có văn bản số 1306/CNTPTV về việc cung cấp thông tin địa chính gửi cho Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Qua nghiên cứu, Tòa án xét thấy đã đủ căn cứ ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Cao Minh T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp T, xã TB, huyện C, tỉnh TV;

Bị đơn: Anh **Cao Minh Tr**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh TV.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Cao Văn Đ**, sinh năm 1938;

2/ Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1939;

Người đại diện hợp pháp của cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D: Bà **Cao Thị T**, sinh năm 1963, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 12/8/2022)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh TV;

3/ Bà **Trần Thị A**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm M, phường C, thành phố T, tỉnh TV.

4/ **Viễn Thông TV**.

Địa chỉ: Số 70 Hùng V, phường B, thành phố T, tỉnh TV.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N, là Phó phòng kế hoạch kế toán, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 561 ngày 09/8/2022).

5/ **Ngân hàng Đ – chi nhánh TV**.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Hạnh D, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 1012 ngày 10/8/2022).

Địa chỉ: Số 02 L, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh TV.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn anh Cao Minh T với bị đơn anh Cao Minh Tr cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A, cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D do bà Cao Thị T đại diện, Ngân hàng Đ – chi nhánh TV do bà Trần Thị Hạnh D đại diện, Viễn thông TV do ông Nguyễn Văn N đại diện, các bên cùng thỏa thuận thống nhất như sau:

Ông Cao Văn Th, sinh năm 1961, chết vào ngày 10/6/2020. Ông Cao Văn Th lúc sinh thời có cha ruột là cụ Cao Văn Đ, sinh năm 1938, mẹ ruột là cụ Nguyễn Thị D, sinh năm 1939 và 02 người con là Cao Minh T, sinh năm 1991 và Cao Minh T, sinh năm 1998. Ngoài ra ông Th đã ly hôn vợ là bà Trần Thị A theo Bản án số 15/2008/HNST ngày 20/6/2008, không còn vợ con nào khác, không còn hàng thừa kế thứ nhất nào khác. Ông Cao Văn Th chết không có để lại di chúc. Hiện di sản của ông Cao Văn Th để lại gồm có:

1/ Quyền sử dụng đất diện tích 503m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại khóm C, phường CH, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 111675 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh TV cấp ngày 09/4/2018 cho hộ ông Cao Văn Th (nay thửa đất số 33 này đã được tách ra thành thửa đất số 293, diện tích 150m² và thửa đất số 294, diện tích 353m²); tài sản này các đồng thừa kế thống nhất hiện có giá trị là 2.000.000.000 đồng (*hai tỷ đồng*).

2/ Quyền sử dụng đất diện tích 178,3m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 57 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 160858 chính trang tư cấp cho ông Cao Văn Th đứng tên vào ngày 14/11/2002; tài sản này các đồng thừa kế thống nhất hiện có giá trị là 1.200.000.000 đồng (*một tỷ hai trăm triệu đồng*).

3/ Tiền gửi tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đ – chi nhánh TV, số seri sổ tiết kiệm là AAC5688324, số tài khoản 735-1-00-0089565-5 với số tiền gửi là

100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 12/8/2022 trong tài khoản thanh toán số tài khoản là 735-10-00-004136-0 với số tiền là 5.914.507 đồng (*năm triệu chín trăm mười bốn ngàn, năm trăm lẻ bảy đồng*).

4/ Số tiền cho thuê đối với Quyền sử dụng đất diện tích 178,3m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 57 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh TV mà Viễn Thông TV còn nợ theo hợp đồng số 07/HĐ-CSHT.2017 ngày 07/9/2017 tính đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 06/9/2022 với số tiền là 135.000.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

Nay nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng thống nhất thỏa thuận:

Các đồng thừa kế gồm anh Cao Minh T, anh Cao Minh Tr, cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D đồng ý chia di sản thừa kế của ông Cao Văn Th để lại nêu trên theo pháp luật, cụ thể là chia làm 4 phần cho 04 người gồm anh Cao Minh T, anh Cao Minh Tr, cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D mỗi người được hưởng 1/4 giá trị di sản. Theo đó các thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Anh Cao Minh T, anh Cao Minh Tr, cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D thống nhất giao tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 503m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 64 tọa lạc tại khóm C, phường CH, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 111675 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh TV cấp ngày 09/4/2018 cho hộ ông Cao Văn Th (nay thửa đất số 33 này đã được tách ra thành thửa đất số 293, diện tích 150m² và thửa đất số 294, diện tích 353m²) và Quyền sử dụng đất diện tích 178,3m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 57 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 160858 chính trang tư cấp cho ông Cao Văn Th đứng tên vào ngày 14/11/2002 cho anh Cao Minh T được nhận và được quyền sở hữu. Anh Cao Minh T có nghĩa vụ hoàn thối giá trị kỉ phần thừa kế cho anh Cao Minh Tr với số tiền là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng). Anh Cao Minh T với cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D đã tự thỏa thuận với nhau xong về việc hoàn thối giá trị kỉ phần thừa kế này, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, ghi nhận.

2/ Anh Cao Minh T, anh Cao Minh Tr, cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D thống nhất: Giao cho anh Cao Minh T được đại diện các đồng thừa kế để nhận số tiền của ông Cao Văn Th gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đ – chi nhánh TVi, số seri sổ tiết kiệm là AAC5688324, số tài khoản 735-1-00-0089565-5 với số tiền gửi là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 12/8/2022 trong tài khoản thanh toán số tài khoản là 735-10-00-004136-0 với số tiền là 5.914.507 đồng (*năm triệu chín trăm mười bốn ngàn, năm trăm lẻ bảy đồng*) cùng tiền lãi phát sinh tiếp theo (nếu có) theo thỏa thuận với Ngân hàng. Ngân hàng Đ – chi nhánh TV có trách nhiệm thanh toán các số tiền nêu trên cho anh Cao Minh T là người đại diện các đồng thừa kế nhận. Đồng thời anh Cao Minh T được đại diện các đồng thừa kế để nhận số tiền thuê nhà và đất của ông

Cao Văn Th mà Viễn Thông TV còn nợ theo hợp đồng số 07/HĐ-CSHT.2017 ngày 07/9/2017 tính đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 06/9/2022 với số tiền là 135.000.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Viễn Thông TV có trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên cho anh Cao Minh T là người đại diện các đồng thừa kế nhận. Anh Cao Minh T phải có nghĩa vụ hoàn thối lại cho anh Cao Minh Tr giá trị kỉ phần thừa kế đối với các tài sản này với số tiền tính chẵn là 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*). Anh Cao Minh T với cụ Cao Văn Đ, cụ Nguyễn Thị D đã tự thỏa thuận với nhau xong về việc hoàn thối giá trị kỉ phần thừa kế này, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, ghi nhận.

Như vậy, cộng các khoản nêu trên thì anh Cao Minh T có nghĩa vụ hoàn thối giá trị kỉ phần thừa kế cho anh Cao Minh Tr với số tiền tổng cộng là 860.000.000 đồng (*tám trăm sáu mươi triệu đồng*). Khi nào anh Cao Minh T trả xong số tiền 860.000.000 đồng (*tám trăm sáu mươi triệu đồng*) này cho anh Cao Minh Tr thì anh Cao Minh T mới được toàn quyền sở hữu và sử dụng tài sản là: Quyền sử dụng đất diện tích 503m² thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 64, tọa lạc tại khóm C, phường CH, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 111675 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh TV cấp ngày 09/4/2018 cho hộ ông Cao Văn Th (nay thửa đất số 33 này đã được tách ra thành thửa đất số 293, diện tích 150m² và thửa đất số 294, diện tích 353m²) và Quyền sử dụng đất diện tích 178,3m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 57 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 160858 chính trang tư cấp cho ông Cao Văn Th đứng tên vào ngày 14/11/2002; Đồng thời anh Cao Minh T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục được cấp quyền sở hữu tài sản cho anh Cao Minh T đứng tên đối với các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

Vấn đề giao dịch hợp đồng thuê tài sản giữa Viễn Thông TV với ông Cao Văn Th đối với tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 178,3m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 57 và căn nhà trên đất, tọa lạc tại khóm S, phường B, thành phố T, tỉnh TV theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 160858 chính trang tư cấp cho ông Cao Văn Th đứng tên vào ngày 14/11/2002 thì các bên không có yêu cầu gì, sau khi thực hiện Quyết định của Tòa án về việc chia thừa kế tài sản thì các bên sẽ tự thương lượng, thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Anh Cao Minh T phải chịu số tiền án phí là 18.903.500 đồng (*mười tám triệu chín trăm lẻ ba ngàn năm trăm đồng*). Anh Cao Minh Tr phải chịu số tiền án phí là 18.900.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên, anh Cao Minh T tự nguyện nộp thay tiền án phí cho anh Cao Minh Tr. Nên anh Cao Minh T phải chịu tổng số tiền án phí là 37.803.500 đồng, được khấu trừ vào các số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.500.000 đồng (*mười một triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011706 ngày 20/6/2022 và 843.000 đồng (tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011789 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Anh Cao Minh T phải nộp thêm số tiền án phí là 25.460.500 đồng. Anh Cao Minh Tr không phải nộp án phí.

Cụ Cao Văn Đ và cụ Nguyễn Thị D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Trang